

MÔ HÌNH QUẢN LÝ TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TRÊN THẾ GIỚI

Nguyễn Danh Nam¹

Tóm tắt. Bài viết trình bày mô hình quản lý trong đào tạo giáo viên ở một số nước trên thế giới. Kinh nghiệm quản lý đào tạo giáo viên được xem xét ở các phương diện: mô hình đào tạo, quản lý cơ sở đào tạo giáo viên, quản lý giáo viên, chứng chỉ hành nghề giáo viên,... . Các phương diện của kinh nghiệm quốc tế về quản lý đào tạo giáo viên được đối chiếu với thực tiễn ở Việt Nam. Trên cơ sở phân tích ưu điểm của từng mô hình, bài viết đưa ra một số đề xuất cho việc đổi mới công tác quản lý giáo viên và đào tạo giáo viên của ngành giáo dục, vấn đề đổi mới quản trị đối với các cơ sở đào tạo giáo viên. Kết quả nghiên cứu cũng là cơ sở để đề xuất phương án quy hoạch và cơ chế quản lý quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm ở Việt Nam.

Từ khóa: *Mô hình đào tạo giáo viên, đào tạo giáo viên, cơ sở đào tạo giáo viên, trường sư phạm, giáo viên, quản lý đào tạo giáo viên.*

1. Đặt vấn đề

Trước bối cảnh toàn cầu hóa các nước trên thế giới đã tiến hành đánh giá tổng thể thực trạng giáo dục đại học quốc gia, bao gồm: cơ hội tiếp cận giáo dục đại học, năng lực nghiên cứu, xếp hạng quốc tế, mức đầu tư cho giáo dục đại học, hành lang pháp lý, mức độ gắn kết giữa trường đại học với doanh nghiệp và cộng đồng, xác định những thách thức đối với hệ thống trong hiện tại và tương lai, dự báo nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, cơ chế xác định trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học, khả năng chi trả cho giáo dục đại học của đại bộ phận người dân. Qua nghiên cứu thực trạng cho thấy, quản lý nhà nước về các cơ sở đào tạo giáo viên ở nước ta hiện nay còn nhiều bất cập, trong khi hầu hết các cơ sở đào tạo giáo viên trong hệ thống chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tuy nhiên, không ít các cơ sở đào tạo giáo viên chịu sự quản lý của các địa phương, do các địa phương cấp kinh phí hoạt động. Chính vì thế, có sự phân tán trong quản lý nhà nước đối với các cơ sở đào tạo giáo viên, cụ thể: các trường đại học sư phạm đều trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc đại học vùng như Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng; trường Đại học Giáo dục trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, chịu sự quản lý trực tiếp của Chính phủ; các trường đại học sư phạm đặc thù (đại học sư phạm thể dục thể thao, đại học sư phạm kỹ thuật, đại học sư phạm nghệ thuật, ...) lại trực thuộc các bộ, ngành khác. Các trường cao đẳng sư phạm trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; các trường cao đẳng và trung cấp khác có đào tạo giáo viên trực thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hoặc trực thuộc Ủy ban Nhân dân

Ngày nhận bài: 05/10/2019. Ngày nhận đăng: 14/11/2019.

¹Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên;

e-mail: danhnam.nguyen@dhsptn.edu.vn.

các tỉnh [1], [2]. Như vậy, cơ chế quản lý không tập trung, sự phân bố các cơ sở đào tạo giáo viên ở nước ta quá dàn trải về địa lý; việc thành lập mới các trường đại học (mà tiền thân là các trường cao đẳng sư phạm) vẫn theo nhu cầu của phát triển của từng ngành, địa phương, chưa quan tâm đến tính thống nhất, đồng bộ của cả hệ thống [1], [3]. Do đó, cần có tổng kết kinh nghiệm quốc tế trong quản lý các cơ sở đào tạo giáo viên, từ đó có những đề xuất đổi mới cơ chế quản lý đối với các cơ sở đào tạo giáo viên, quản lý giáo viên ở nước ta hiện nay nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, từng bước hội nhập khu vực và quốc tế.

2. Tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế

Ở nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay, việc đào tạo giáo viên tuân theo cơ chế thị trường, theo nhu cầu của thị trường lao động. Tuy nhiên, do tính chất đặc thù của mỗi quốc gia, nên có sự khác nhau về vai trò và sự can thiệp của Nhà nước đối với hệ thống đào tạo giáo viên.

2.1. Mô hình quản lý tập trung trong đào tạo giáo viên

Ở nhiều nước vẫn duy trì cách quản lý tập trung đối với hệ thống đào tạo giáo viên như: Hàn Quốc, Singapore, Pháp, Hà Lan, Anh, Trung Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông... Bộ Giáo dục quản lý hầu hết mọi khía cạnh của quá trình đào tạo giáo viên và cấp bằng/chứng chỉ cho giáo viên.

Tại Hàn Quốc, nhiệm vụ đào tạo giáo viên chủ yếu là của các trường đại học giáo dục và các khoa giáo dục thuộc các trường đại học. Trước đây, các quy định quá chặt và sự can thiệp quá sâu từ phía chính phủ khiến hệ thống giáo dục Hàn Quốc không đáp ứng được nhu cầu giáo dục của người dân. Vì vậy, Hàn Quốc đã tiến hành cải cách hệ thống giáo dục theo hướng tiếp cận dựa trên các quy tắc của thị trường. Ngoài ra, chính phủ Hàn Quốc đã nỗ lực tạo dựng một hệ thống phân bổ ngân sách minh bạch và hiệu quả trong đó các trường đại học, cao đẳng tự chủ, được cạnh tranh và phải cạnh tranh để có được nguồn vốn tối ưu cho phát triển. Các khoản đầu tư từ ngân sách hiện đều được tiến hành dựa trên công thức và kết quả hoạt động. Chính phủ liên tục giám sát việc các trường hay đơn vị nhận đầu tư có thực hiện các cam kết theo hợp đồng đã ký kết hay không. Kết quả hoạt động của các trường/đơn vị nhận đầu tư là ưu tiên hàng đầu trong hợp đồng và được đánh giá minh bạch trên cơ sở các tiêu chí định sẵn [6], [7].

Tại Singapore, mô hình quản lý áp đặt từ trên xuống dưới được áp dụng trong giáo dục một cách đồng bộ. Vấn đề xác định nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội và xu hướng phát triển các ngành nghề phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế được Bộ Giáo dục, Bộ Nhân lực và Hội đồng Phát triển Kinh tế phối hợp nghiên cứu và đưa ra khuyến cáo cho các trường đại học. Do đó, các chính sách giáo dục được tích hợp một cách hiệu quả với chính sách kinh tế và định hướng đào tạo nguồn nhân lực.

Tại Pháp, các cơ sở giáo dục đại học và đào tạo giáo viên chịu sự quản lý nhà nước về tổ chức và hành chính của Bộ Giáo dục và Bộ Giảng dạy Đại học & Nghiên cứu. Bộ Giáo dục quản lý các cấp học phổ thông. Bộ Giảng dạy Đại học & Nghiên cứu quản lý đào tạo giảng viên, giáo viên và nghiên cứu. Năm 1989, nước Pháp chuyển đổi đào tạo giáo viên từ mạng lưới các trường đại học sư phạm sang các học viện đào tạo giáo viên. Đến năm 2008, các học viện này chuyển thành khoa đào tạo giáo viên thuộc các trường đại học. Tuy nhiên, các trường đại học không được tự chủ tuyển dụng và trả lương cho giảng viên và cán bộ của mình, nguồn thu nhập độc lập của các trường thấp, tài chính chủ yếu dựa vào kinh phí của nhà nước cấp, nhà nước quy định học phí thu của các trường. Như vậy, việc quản lý quá tập trung của nhà nước dẫn tới sự thiếu tự chủ của các cơ sở đào

tạo là một trong các đặc điểm chủ yếu của hệ thống giáo dục Pháp.

Tại Hà Lan, Bộ Giáo dục và Cục Thanh tra Giáo dục chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về vấn đề đào tạo giáo viên. Bộ Giáo dục đưa ra những quan điểm chỉ đạo, các quy định và hướng dẫn thực hiện các yêu cầu về tuyển sinh đầu vào, chuẩn đầu ra và nội dung chương trình đào tạo giáo viên, trong đó Cục Thanh tra quản lý việc tuân thủ thực hiện những quy định này. Tại Anh, Cục Đào tạo giáo viên, Vụ Giáo dục và Kỹ năng, Cơ quan Tiêu chuẩn giáo dục và Hội đồng giảng dạy Anh quốc chịu trách nhiệm về việc đào tạo và cấp bằng/chứng chỉ hành nghề dành cho giáo viên. Các cơ quan này có nhiệm vụ xây dựng và ban hành các quy định về quá trình đào tạo và cấp chứng chỉ cho giáo viên, bao gồm bộ tiêu chuẩn kiểm định các chương trình đào tạo giáo viên, những yêu cầu về tuyển sinh đầu vào và chuẩn đầu ra, nội dung thi cấp chứng chỉ giáo viên và các chương trình bồi dưỡng giáo viên [5], [6]. Tại Đài Loan, tính kế hoạch được xây dựng trên cơ sở dự báo tối ưu và vì vậy, chỉ một số cơ sở cho phép đào tạo sư phạm tính toán rất chặt chẽ về chỉ tiêu đào tạo hằng năm và hầu như sinh viên tốt nghiệp được đảm bảo việc làm [6].

Tại Trung Quốc, hệ thống đào tạo giáo viên gồm có 141 trường sư phạm, trong đó có 37 trường đại học sư phạm. Có ba loại hình đào tạo giáo viên độc lập với nhau, đó là: trường sư phạm, trường giáo dục (bao gồm trường bồi dưỡng giáo viên) và trường sư phạm kỹ thuật nghề nghiệp. Các trường sư phạm được chia thành: đại học sư phạm, học viện (cao đẳng) sư phạm, sư phạm đặc thù, trung học sư phạm. Các trường giáo dục được chia thành: học viện hành chính giáo dục quốc gia cao cấp, học viện giáo dục cấp tỉnh, học viện giáo dục cấp thành phố thuộc vùng, trường bồi dưỡng giáo viên cấp huyện. Ngoài ra, Trung Quốc còn có một số trường đại học đa ngành cũng tham gia đào tạo giáo viên. Việc quản lý đào tạo giáo viên theo thể chế tập quyền hữu hạn, nghĩa là chính quyền trung ương quyết định sự phát triển của cả hệ thống đào tạo giáo viên. Dưới sự lãnh đạo của nhà nước, các cơ quan quản lý giáo dục các cấp trực tiếp quản lý các trường đào tạo giáo viên cấp tương ứng về các lĩnh vực: nhân sự, tài chính, và cơ sở vật chất. Hiện nay, Bộ Giáo dục giữ quyền kiểm soát đối với số ít trường (khoảng dưới 5% trong tổng số các trường đại học và cao đẳng), phần lớn trong số này được đầu tư tài chính mạnh với định hướng trở thành “các trường đại học đẳng cấp thế giới”. Các trường đại học khác được cung cấp tài chính và trực thuộc chính quyền cấp tỉnh hoặc thành phố hay đặc khu [5], [6], [7]. Xét về tổng thể, đào tạo giáo viên của Trung Quốc hiện nay mang đặc trưng cơ bản là mô hình đào tạo định hướng độc lập, do Nhà nước tổ chức và quản lý ở 3 khâu: thẩm định, phê chuẩn, thay đổi hoặc đình chỉ hoạt động của cơ sở đào tạo giáo viên; đầu tư kinh phí đào tạo cho các trường sư phạm; miễn, giảm, trợ cấp học phí cho sinh viên. Chính quyền địa phương trực tiếp quản lý, giám sát về phương hướng tổ chức giáo dục, cơ cấu chuyên ngành đào tạo và môn học, nhân sự, tuyển sinh, nội dung chương trình, phân bổ tài chính,... Điều này giúp quyền tự chủ của các trường sư phạm được tăng lên đáng kể. Do đó, nhiều trường sư phạm không chỉ đào tạo sinh viên sư phạm mà còn đào tạo cả sinh viên không thuộc ngành sư phạm. Bên cạnh đó, chính phủ Trung Quốc khuyến khích các trường đại học tổng hợp và các trường đại học kỹ thuật có chất lượng đào tạo tốt tham gia đào tạo giáo viên bậc tiểu học và trung học. Việc các trường đại học tổng hợp tham gia đào tạo giáo viên có ưu điểm là cung cấp cho các trường sư phạm những sinh viên giỏi, sau khi được bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm từ 1 đến 2 năm để trở thành giáo viên [9].

Trước đây, hệ thống đào tạo giáo viên của Trung Quốc gồm ba cấp: đại học, cao đẳng và trung cấp sư phạm. Từ năm 1999, Bộ Giáo dục đã có văn bản hướng dẫn quá trình chuyển từ sư phạm ba cấp sang sư phạm hai cấp theo phương án: (1) đầu tư trọng điểm vào các trường đại học sư phạm

có chất lượng đào tạo tốt, sáp nhập các trường trung cấp sư phạm vào trường đại học sư phạm; (2) nâng cấp một số trường trung cấp thành trường cao đẳng sư phạm; (3) các trường còn lại chuyển đổi thành các cơ sở bồi dưỡng giáo viên hoặc các trường trung cấp khác... Hệ thống đào tạo giáo viên của Trung Quốc có hạn chế đó là chủ yếu là đào tạo giáo viên đơn môn, chất lượng không cao, không đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Nguyên nhân chính là đào tạo giáo viên vẫn theo mô hình định hướng độc lập dưới sự quản lý của chính quyền địa phương và chưa hình thành được cơ chế cạnh tranh trong đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng. Hiện nay, Trung Quốc đang thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao vị thế của ngành sư phạm và nghề giáo viên; tập trung đầu tư nguồn lực cho 6 trường đại học sư phạm chủ chốt; đổi mới hệ thống quản trị đại học theo hướng tăng cường tính tự chủ, chia sẻ nguồn lực của các trường sư phạm; đổi mới chương trình đào tạo giáo viên; xây dựng chuẩn các trường và chuẩn chương trình đào tạo; tái cấu trúc các trường sư phạm và tăng cường công tác bồi dưỡng giáo viên [9].

2.2. Nghiên cứu mô hình về trao quyền tự chủ cho một số cơ sở đào tạo giáo viên

Một số nước trên thế giới đã thực hiện giao quyền tự chủ hoàn toàn cho các cơ sở giáo dục đại học trong việc đào tạo giáo viên như: Mỹ, Đức, Úc, Phần Lan,... Điểm nổi bật trong đào tạo, tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giáo viên ở nhiều quốc gia là được thực hiện theo nguyên lý chuẩn hóa. Do đó, mọi hoạt động liên quan tới đào tạo và bồi dưỡng giáo viên đều phải được thực hiện theo một chuẩn nhất định. Vấn đề đặt ra là tổ chức nào có quyền xây dựng và phê duyệt các chuẩn này ở các quốc gia khác nhau. Chuẩn quan trọng nhất là chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Ở một số nước, chuẩn nghề nghiệp giáo viên do Chính phủ ban hành và quản lý. Các nước như Mỹ, Đức và Úc, các chuẩn được giao cho các bang quản lý. Các trường sư phạm quyết định nội dung chương trình đào tạo, tuy nhiên chương trình phải được một cơ quan độc lập quốc gia hoặc ủy ban kiểm định cấp bang thẩm định và kiểm định chất lượng. Vì vậy, các trường đại học, không kể trường công hay tư đều được tự chủ. Các bang uỷ quyền cho các hiệp hội nghề nghiệp xây dựng các chuẩn nghề nghiệp giáo viên và giám sát các trường đào tạo theo chuẩn đã được phê duyệt [4], [8]. Như vậy, có thể nói các nước Mỹ, Đức và Úc có nền kinh tế - xã hội vận hành dựa trên các nguyên lý: kinh tế thị trường; luật pháp; dân chủ và đa văn hoá. Vì vậy, đào tạo giáo viên được coi là một hoạt động tạo ra và cung cấp nguồn nhân lực cho giáo dục. Quan hệ giữa đào tạo giáo viên với nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực giáo viên là quan hệ cung - cầu, được điều tiết bởi thị trường. Vì thế, vai trò của chính phủ liên bang trong đào tạo giáo viên không lớn, mà là do các bang quản lý và chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, chính quyền bang cũng không trực tiếp can thiệp vào hoạt động đào tạo giáo viên của các trường đại học mà chỉ quản lý với tư cách là một đối tác cung cấp dịch vụ và sử dụng sản phẩm đào tạo của các trường đại học. Ví dụ như: cấp giấy phép hành nghề cho các vị trí công việc của giáo viên; xây dựng và phê duyệt các chuẩn nghề nghiệp; lựa chọn chương trình đào tạo; kiểm định, kiểm soát chất lượng đào tạo của các trường sư phạm thông qua các hoạt động giám sát. Các trường sư phạm được tự chủ trong tuyển sinh đầu vào, thiết kế chương trình và tổ chức đào tạo. Do tính tự chủ ở mức độ cao nên việc đào tạo giáo viên được triển khai theo nhiều mô hình, ở nhiều mức độ khác nhau và thời gian đào tạo cũng khác nhau tùy thuộc vào các đạo luật chung của liên bang hoặc các quy định của từng bang [7], [8]. Điều bất cập hiện nay của cơ chế giao quyền tự chủ hoàn toàn cho các trường đại học trong đào tạo giáo viên ở một số nước là nguy cơ mất cân đối trong cung - cầu đội ngũ giáo viên và sự bất bình đẳng trong cung ứng các dịch vụ giáo dục cho trẻ em, đặc biệt là trẻ em vùng khó khăn. Chẳng hạn, hiện tại ở Úc dư thừa sinh viên tốt nghiệp sư phạm tiểu học, nên giáo viên rất khó xin việc làm toàn thời

gian, nhưng lại thiếu các giáo viên dạy những môn đặc thù và giáo viên ở những vùng khó khăn. Thực trạng này cũng diễn ra phổ biến các nước Đức và Mỹ [4]. Do đó, công tác dự báo nhu cầu đào tạo và quy hoạch các cơ sở đào tạo giáo viên là vấn đề cấp thiết của nhiều nước trên thế giới nhằm phục vụ trực tiếp cho việc lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ giáo viên của chính quốc gia đó.

Tại Úc, cho đến trước cuối những năm 1980, hệ thống giáo dục sau trung học của Úc tồn tại hai tiểu hệ thống là nhóm các trường đào tạo đại học và nhóm các trường cao đẳng bao gồm các trường cao đẳng kỹ thuật và cao đẳng sư phạm. Tuy nhiên từ đầu những năm 1980, đã có nhiều yếu tố đòi hỏi có sự sáp nhập những trường cao đẳng thành những trường đại học. Cụ thể, nhu cầu đào tạo giáo viên đã bão hòa dẫn đến việc các trường cao đẳng sư phạm khó tuyển sinh; ngân sách nhà nước đầu tư dàn trải cho nhiều trường không hiệu quả; nhiều trường cao đẳng có quy mô nhỏ dẫn đến hiệu suất kinh tế đầu tư thấp; các trường có quy mô nhỏ không tạo được điều kiện cho giảng viên chuyên sâu vào các lĩnh vực chuyên môn và nâng cao năng lực nghiên cứu ứng dụng. Năm 1988, Chính phủ Úc đã đề ra một chính sách mới (White Paper) để cấu trúc lại hệ thống giáo dục đại học. Đề án xác định rõ yêu cầu sáp nhập để giảm số lượng trường đại học, cao đẳng nhưng tăng quy mô đào tạo của các cơ sở. Các trường cao đẳng sư phạm buộc phải sáp nhập hay chuyển đổi thành các trường đại học để tăng hiệu quả quản lý và đầu tư [8].

Tại Mỹ, trung tâm quốc gia về thống kê giáo dục được giao nhiệm vụ thực hiện dự báo nhu cầu giáo viên. Một số bang cũng tự nghiên cứu và vận dụng mô hình dự báo riêng. Mô hình dự báo tổng số giáo viên cần tuyển mới được tính dựa theo chuỗi thời gian bởi vì giáo viên về hưu dần dần theo từng năm và các lý do khác, cũng như vì sự tăng lên của học sinh nhập học. Mô hình sử dụng dữ liệu thống kê giáo dục của trung tâm quốc gia từ các cuộc khảo sát trường học, khảo sát nguồn nhân lực xã hội và các nguồn khác. Tại New Zealand, dự báo nhu cầu thay thế giáo viên tập trung vào tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến dự báo số lượng giáo viên cho năm học mới đáp ứng nhu cầu của các trường. Các nhân tố này bao gồm: tỷ lệ chuyển tiếp học sinh lên các bậc học tiếp theo, tỷ lệ này tăng lên thì nhu cầu về giáo viên cũng tăng; thay đổi chính sách cũng ảnh hưởng đến tỷ lệ giáo viên/học sinh, sĩ số học sinh trong một lớp, và thời lượng dạy học trên lớp của giáo viên; độ tuổi của các giáo viên hiện tại [4].

3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Dựa trên phân tích, đối chiếu kinh nghiệm quốc tế ở trên, nhóm nghiên cứu đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định rõ định hướng cho các trường sư phạm: (1) Bộ quản lý tập trung, toàn diện lĩnh vực đào tạo giáo viên (mô hình đào tạo giống như ngành công an, quân đội); (2) Bộ thực hiện phân cấp triệt để cho địa phương và các đại học vùng, Bộ chỉ quản lý nhà nước về chương trình đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, chất lượng đào tạo (thông qua kiểm định, thanh tra, giám sát) và sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề giáo viên.

Ngoài ra, Bộ Giáo dục và Đào tạo phải chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các bên liên quan xây dựng cơ sở dữ liệu về dự báo cung - cầu đào tạo giáo viên trong phạm vi cả nước ở từng giai đoạn làm căn cứ giao chỉ tiêu đào tạo giáo viên; xây dựng và ban hành Bộ chuẩn trường sư phạm, tăng cường kiểm định chương trình đào tạo giáo viên, ban hành chuẩn giảng viên sư phạm, chuẩn giáo viên các bậc học hướng dẫn và tiến hành đánh giá, rà soát các cơ sở đào tạo giáo viên theo Bộ chuẩn trường sư phạm, chương trình đào tạo giáo viên.

Xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư phát triển các trường sư phạm trọng điểm; xây dựng và ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách tài chính, tín dụng sinh viên sư phạm; cơ chế huy động nguồn vốn cho các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các trường sư phạm để đầu tư hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất, đặc biệt đối với các trường sư phạm thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại.

Các trường sư phạm cần chủ động xây dựng đề án tái cấu trúc nhà trường, đổi mới quản trị đại học trên tinh thần tự chủ và thực hiện nghiêm túc trách nhiệm giải trình; đổi mới chương trình đào tạo giáo viên; tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; tăng cường tính liên thông trong đào tạo; đa dạng hóa mô hình và phương thức đào tạo; nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý; tăng cường các điều kiện về bảo đảm chất lượng và thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục; từng bước nâng dần chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

4. Kết luận

Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo đã và đang là yêu cầu cấp bách. Việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới tiếp tục đòi hỏi phải có những thay đổi căn bản, nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác đào tạo giáo viên - nhân tố chính tạo nên sự thay đổi, đồng thời phải khắc phục được những hạn chế, bất cập của hệ thống trường sư phạm hiện tại. Trong bối cảnh cạnh tranh và xu hướng tự chủ của các trường đại học nói chung có thể tác động tới các trường sư phạm theo hướng tự do hơn, càng dẫn tới biên độ dao động quá rộng trong quy mô và chất lượng đào tạo sư phạm. Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa hình thành được cơ chế phân loại các trường sư phạm, do đó chưa có căn cứ để ưu tiên đầu tư trọng điểm đối với các trường sư phạm hoạt động hiệu quả, có tiềm năng phát triển ngang tầm các trường sư phạm trong khu vực và trên thế giới. Công tác quản lý quy hoạch còn yếu, chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch trong đào tạo giáo viên để có những điều chỉnh kịp thời; chưa có quy chuẩn về đảm bảo chất lượng là công cụ điều chỉnh mạng lưới, dẫn đến tình trạng mở mới các ngành đào tạo giáo viên mà không được giám sát về các điều kiện đảm bảo chất lượng và nhu cầu thực tiễn. Vì vậy, kết quả nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế đã cung cấp những căn cứ để Bộ Giáo dục và Đào tạo sắp xếp, tổ chức lại các trường sư phạm và đổi mới cơ chế quản lý trong đào tạo giáo viên hiện nay nhằm tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình của các trường sư phạm, giúp cho các cơ sở đào tạo phát huy được sự năng động, sáng tạo, đổi mới của mình, và tự chủ tiến hành sắp xếp, rà soát lại cơ cấu tổ chức, tiến hành sáp nhập giải thể theo nhu cầu của thị trường và năng lực của cơ sở đào tạo.

Lời cảm ơn. Công trình nghiên cứu này được tài trợ bởi Chương trình Khoa học và Công nghệ về Khoa học Giáo dục cấp quốc gia KHGD/16-20 với đề tài “Nghiên cứu quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2035”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thị Bình (2013). Nghiên cứu đề xuất các giải pháp cải cách công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên. Đề tài cấp Nhà nước, Quỹ Hòa bình và Phát triển Việt Nam.
- [2] Phạm Hồng Quang (2013) *Phát triển chương trình đào tạo giáo viên: Những vấn đề lí luận và thực tiễn*. Nxb Đại học Thái Nguyên.
- [3] Mai Thị Thu (2015) *Nghiên cứu phương pháp dự báo nhu cầu thay thế trong dự báo nhu cầu giáo viên*. Đề tài V.2014-09, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

- [4] Barbara L. Bales (2015) *Restructuring teacher education in the united states: finding the tipping point*. Athens Journal of Education, Vol.2(4), pp. 297-312.
- [5] Cheryl J. Craig (2016) *Structure of teacher education*. In J. Loughran, M.L. Hamilton (eds), International Handbook of Teacher Education, pp. 69-135, Springer.
- [6] Adele Gordon (2009) *Restructuring teacher education*. Issues in Education Policy, Number 6, Centre for Education Policy Development.
- [7] Prakash Chandra Jena (2014) *Need of restructuring teacher education programmes in India: An essence for globalization*. International Letters of Social and Humanistic Sciences, Vol.34, pp. 21-28.
- [8] Paul R Weldon (2015) *The teacher workforce in Australia: Supply, demand and data issues*. Australia Council for Educational Research, Policy Insights, Issue 2, Melbourne.
- [9] Zhu Yiming, Fang YanPing (2011) *Characterizing reform and change of teacher education in China in the new era*. Journal of Research, Policy and Practice of Teachers and Teacher Education, Vol.1(1), pp.30-44.

ABSTRACT

Management Model of Teacher Training in the world

The paper presents the management model of teacher training in some countries in the world. Experiences of teacher training management are considered in the following aspects: training model, teacher training institution management, teacher management, teaching certificate,... Aspects of international experiences in teacher training management are compared with practices in Vietnam. Based on the analysis of the advantages of each model, the paper suggests some recommendations for the innovation in teacher management and teacher training of the education, the issue of governance innovation for teacher training institutions. The research results are also the basis for proposing the restructuring and the management mechanism of the network of pedagogical universities in Vietnam.

Keywords: *Teacher training model, teacher training, teacher training institution, pedagogical university, teacher, teacher training management.*